TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2019/LĐ-ST
Ngày 21/11/2019
V/v:*"Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* - Ông **Trần Hữu Vinh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Nguyễn Công Chi** – Chức vụ: Cán bộ hưu trí

+ Ông **Hà Thúc Liêu** – Chức vụ: Trưởng phòng LĐ TB và XH quận Liên Chiểu.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản*: Bà **Trần Ngô Khánh Loan**.

- Đại diện VKSND quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Ái Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2019/TLST-LĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXX - ST ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2019/ QĐ – LĐST ngày 05/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu D – sinh năm 1981; Trú tại: Tổ 03, thôn S, xã H, huyện H, TP. Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc O – sinh năm 1980; Trú tại: Tổ 19, phường H, quận C, TP Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền ngày 05.6.2019), có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH MTV T;** địa chỉ: Đường số 06, khu công nghiệp H, quận L, TP Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông K – Chức vụ: Giám đốc; trú tại: 6 N, G, Seoul, Hàn Quốc. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ**; địa chỉ: Số 43 đường X, quận H, TP Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn H – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh H – Chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý thu (*Theo giấy ủy quyền số 1983/BHXH-QLT ngày 25.11.2019*). Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà **Lê Thị Kiều C** – sinh năm 1981; trú tại: Số 64/9 đường T, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu D và đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Ngọc O trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Thu D vào làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 13 tháng 8 năm 2014, tổng thời gian làm việc là 03 năm, 11 tháng (tính đến 30/7/2018) theo HĐLĐ không xác định thời hạn, số 12/2016/HĐ ngày 16/9/2016, Phụ lục HĐLĐ số 74/2018/PL ngày 30/12/2017, tiền lương là 3,966,000đ/tháng (Công nhân may công nghiệp). Từ ngày 01/8/2018 đến nay, ông K, quốc tịch Hàn Quốc, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV T không có mặt tại trụ sở làm việc, không thực hiện các thỏa thuận về tiền lương và BHXH, BHYT cho bà D theo HĐLĐ và các quy định của pháp luật hiện hành. Đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T phải:

1. Trả tiền lương còn lại của tháng 6 năm 2018 là 3,275,954 đ (Tiền lương tháng 6: 5,755,954 đ , đã chuyển lần 1: 1,700,000 đ, lần 2: 780,000 đ) và tiền lương tháng 7 là với số ngày công 26 ngàylà 4,279,570 đ (Tiền lương theo hợp đồng là 3,966,000 đồng +tiền phụ cấp là 730,000) – trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động là 416,430 đồng (*10,5% tiền lương mà người sử dụng lao động phải nộp*)). Tổng tiền lương yêu cầu là 7,555,524 đ.

2. Buộc Công ty trích nộp cho cơ quan BHXH là 22,320,055 đ mà Công ty không thực hiện theo quy định pháp luật BHXH trong thời gian làm việc.

TỔNG CỘNG: 29,875,579 đồng

**** Bị đơn - Công ty TNHH MTV T (Đại diện theo pháp luật: Ông K – Chức vụ: Giám đốc) đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.***

**** Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đ – Đại diện theo ủy quyền là ông Trần Anh H trình bày:***

Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Thu D từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 với tổng số tiền gốc là 20,278,737 đồng. Ngoài ra do Công ty chậm đóng bảo hiểm xã hội nên phải chịu tiền lãi từ tháng 01.2017 đến tháng 7.2018 là 2,041,318 đồng. Tổng nợ gốc và lãi Công ty còn nợ là 22,320,055 đồng. Việc tính lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội năm 2017 thực hiện theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 15,8%/năm (1,317%/tháng); lãi chậm đóng Bảo hiểm xã hội năm 2018 thực hiện theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2018 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 14,5%/năm (1,2084%/tháng).

Việc người lao động khởi kiện yêu cầu Công ty đóng tiền bảo hiểm xã hội còn nợ là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T đóng số tiền bảo hiểm xã hội còn nợ cho Bảo hiểm xã hội thành phố Đ. Do Công ty TNHH

MTV T ngừng hoạt động nên Bảo hiểm xã hội thành phố Đ chỉ tính lãi chậm đóng đến tháng 7.2018, không tiếp tục tính lãi đến thời điểm xét xử cũng như giai đoạn thi hành án sau này.

* Người làm chứng – bà Lê Thị Kiều C vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 01.9.2019 bà Lê Thị Kiều C trình bày bà phụ trách công tác hành chính nhân sự của Công ty TNHH MTV T; bảng chấm công từng người lao động tháng 7.2018 (từ ngày 01.7.2018-21.7.2018) là do bà cung cấp; các tài liệu này đều được trích từ hồ sơ quản lý nhân sự trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH MTV T. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

** Đại diện VKSND quận Liên Chiểu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đối với người tiến hành tố tụng và HĐXX chấp hành đúng theo các quy định của BLTTDS. Về đương sự, nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành các quy định của pháp luật trong các phiên hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối chất cũng như tham gia tố tụng tại các phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- **Về tố tụng**: Bị đơn – Công ty TNHH MTV T được thành lập và hoạt động theo Luật Việt Nam. Hiện nay, đang có trụ sở tại: Đường số 6, KCN H, quận L, TP. Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp về việc tiền lương cũng như bảo hiểm xã hội giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Thu D. Ngoài ra, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông K đã xuất cảnh khỏi Việt Nam. Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông K không có mặt tại Tòa án cũng như ủy quyền lại cho người khác để tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm xét xử vắng mặt đại diện của Công ty.

- Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thu D vào làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 13 tháng 8 năm 2014, tổng thời gian làm việc là 03 năm, 11 tháng (tính đến 30/7/2018) theo HĐLĐ không xác định thời hạn, số 12/2016/HĐ ngày 16/9/2016, Phụ lục HĐLĐ số 74/2018/PL ngày 30/12/2017. Do đó, hợp đồng lao động giữa bà bà Nguyễn Thị Thu D và Công ty ký kết là đúng theo quy định pháp luật, có hiệu lực pháp luật và thuộc loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn với mức lương thỏa thuận bà Nguyễn Thị Thu D được hưởng trước khi Công ty chấm dứt hoạt động là: 3,966,000 đồng. Hình thức trả lương: 01 lần vào ngày 10 hàng tháng.

Ngoài ra, còn hưởng được một số khoản phụ cấp gồm: phụ cấp kinh kỳ: 30,000 đồng, phụ cấp chuyên cần 300,000 đồng, phụ cấp nước uống 150,000 đồng, phụ cấp xăng xe 250,000 đồng. Tổng cộng 730,000 đồng.

Theo Công văn số 19/2018-BC ngày 30.7.2018 về việc báo cáo nhanh tình hình ngừng việc tập thể, đình công tại Công ty TNHH MTV T của bà Lê Thị Kiều C và Công văn số 1099/BQL-KHTH ngày 31.7.2018 về việc báo cáo tình hình ngừng việc tập thể tại Công ty TNHH MTV T của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV T không còn hoạt động sản xuất từ ngày 21/7/2018 và ông K đã xuất cảnh khỏi Việt Nam từ ngày 12/7/2018 và xác nhận về tài khoản lương do Công ty TNHH MTV T chi trả lương cho người lao động qua Ngân hàng BIDV cũng xác định không chuyển trả lương tháng 6, 7/2018 cho người lao động. Do đó, Công ty TNHH MTV T đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng lao động về chi trả tiền lương cho người lao động. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thu D yêu cầu các khoản tiền lương, cụ thể là: lương còn lại của tháng 6 năm 2018 là 3,275,954 đồng và tiền lương tháng 7 là 4,279,570 đồng; tổng tiền lương yêu cầu là 7,555,524 đồng là có cơ sở. Đồng thời, theo quy định khoản 1 Điều 186 Bộ luật Lao động, Điều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hằng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Việc Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 cho bà Nguyễn Thị Thu D là trái quy định của pháp luật nên cần phải buộc Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội với số tiền 22,320,055 đồng; trong đó tiền gốc: 20,278,737 đồng và tiền lãi: 2,041,318 đồng.

Do Công ty TNHH MTV T ngừng hoạt động, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ và nguyên đơn không tiếp tục tính lãi chậm đóng BHXH phát sinh từ tháng 8.2018 nên HĐXX không xem xét.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là (7,555,524 đồng + 22,320,055 đồng) x 3% = 29,875,579 đồng x 3 % = 896,267 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 47, Điều 90, Điều 96, Điều 186, Điều 201 của Bộ luật Lao động;

- Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội" của bà Nguyễn Thị Thu D.

Xử:

- Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu D lương tháng 6.2018 và tháng 7.2018 là 7,555,524 đồng; trong đó: lương tháng 6.2018 còn lại: 3,275,954 đồng và lương tháng 7.2018: 4,279,570 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Thu D tại Bảo hiểm xã hội thành phố Đ trong thời gian từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 với số tiền 22,320,055 đồng; trong đó: gốc là 20,278,737 đồng và lãi là 2,041,318 đồng.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Án phí lao động sơ thẩm là 896,267 đồng Công ty TNHH MTV T phải chịu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Vinh